

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 21/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã
về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Ia Toi, kỳ họp thứ 3.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khốa XIII, kỳ họp thứ 2 về Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Toi về nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, như sau:

1. Điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại phụ lục kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 cụ thể:

a) Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025: *(Chi tiết tại Phụ lục 01 gửi kèm theo)*

b) Các chỉ tiêu không được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025: *(Chi tiết tại Phụ lục 02 gửi kèm theo)*

2. Các chỉ tiêu còn lại không thay đổi so với Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Ia Toi.

Kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết nghị *(Có dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã và phụ lục kèm theo)*./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các phòng, ban thuộc UBND xã;
- Lưu: VT-LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Nhàn

PHỤ LỤC 01:
BẢNG THỐNG KÊ ĐIỀU CHỈNH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU
ĐƯỢC GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(gửi kèm Tờ trình số /TTr-UBND ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025				
			theo Quyết định số 80/QĐ-UBND	theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND	So sánh tăng, giảm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND với Nghị quyết số 21/NQ-HĐND	Đề xuất điều chỉnh	Giải trình
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
1	Diện tích cây trồng						
1.1	Lúa	ha	180	139.5	+ 40.5	139.5	(1)
1.2	Cà phê	ha	65	53.5	+ 11.5	65	(2)
a	Diện tích trồng mới	ha	18	7	+ 11	18	
b	Diện tích kinh doanh	ha	-	46.5	-	47	
1.3	Cao su	ha	16,172	15,495.7	+ 676.3	16,172	(3)
a	Diện tích trồng mới	ha	-	-	-	-	
b	Diện tích kinh doanh	ha		15,495.7		16,172	
1.4	Sắn	ha	842	842	-	842	Không điều chỉnh
1.5	Ngô	ha	64	64	-	64	
1.6	Mía	ha	30	30	-	30	Không điều chỉnh
1.7	Cây ăn quả	ha	572	572.2	- 0.2	572.2	(4)
	Trong đó, trồng mới	ha	75	78.4	- 3.4	78.4	
2	Sản lượng sản phẩm chủ yếu						
2.1	Sản lượng lương thực có hạt (ngô, thóc)	Tấn	1,134	956.45	+ 177.55	957.71	(5)
2.2	Sắn (tươi)	Tấn	21,050	14,314	+ 6,736	21,050	(6)
2.3	Mía	Tấn	1,113	2,040	- 927	1,113	(7)
3	Chăn nuôi						
3.1	Tổng đàn gia súc	Con					
a	Đàn trâu	Con	60	32	+ 28	60	(8)
b	Đàn bò	Con	3,150	1,414	+1,736	2,445	(9)

c	Tỷ trọng bò lai	%	55			55	(10)
d	Đàn lợn	Con	300	2,797	- 2,497	800	(11)
3.2	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn					
	Thịt hơi các loại	Tấn	405	852.15	- 447.15	405	(12)
4	Lâm nghiệp						
	Diện tích trồng mới (không tính cây cao su)	Ha	345	345	-	345	
5	Thủy sản						
5.1	Nuôi cá bằng lồng	Lồng	Diện tích nuôi trồng: 12 ha	105	-	12	(13)
5.2	Nuôi cá ao	Ha		10.67			
5.3	Bể nuôi cá trên cạn	Bể		84			
5.4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn					
a	Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	99.5	99.5	-	99.5	
b	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	272	330	- 58	330	
II	CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI						
1	Dân số						
	Dân số trung bình	Người	7,090	8,082	- 992	7,090	(14)
2	Lao động và việc làm						
-	Tỷ lệ nghèo đa chiều						
+	Tổng số hộ	Hộ	2,670	2,108	+ 562	2,670	(15)
+	Số hộ nghèo	Hộ	16	59	- 43	59	
+	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0.6	2.8	- 2.2	2.2	
3	Giáo dục và Đào tạo						
-	Tổng số học sinh đầu năm học		2,322	2,322	-	2,090	(16)
+	Nhà trẻ	Cháu	684	147	-	147	
+	Mẫu giáo (mầm non)			537		402	
+	Tiểu học	Học sinh	882	882	-	873	
+	Trung học cơ sở		756	756	-	668	

*** GHI CHÚ: GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH:**

(1) Theo chỉ tiêu tại Nghị quyết 21/NQ-HĐND xã, diện tích trồng lúa là 139,5 ha và báo cáo số 74/BC-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã về số liệu phân khai chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, theo đó, đề xuất diện tích trồng lúa là 139.5 ha. Tuy nhiên, tại Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao thực hiện diện tích lúa là 180 ha (**tăng 40.5 ha so với đề xuất tại Báo cáo số 74/BC-UBND xã**). Qua rà soát, trên địa bàn không đảm bảo diện tích trồng lúa theo chỉ tiêu tỉnh giao. UBND xã đề xuất thực hiện theo chỉ tiêu tại Nghị quyết 21/NQ-HĐND xã, chỉ tiêu này đã được tiến hành rà soát toàn bộ diện tích có thể trồng lúa trên địa bàn xã.

(2) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao và cập nhật theo tình hình thực tế.

(3) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao theo thực tế. Cụ thể, thừa kế số liệu diện tích cao su của huyện (cũ) là 25,369.76 ha – diện tích cao su trên địa bàn xã Ia Đal là 9,197 ha

(4) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao và điều chỉnh diện tích trồng mới theo tình hình thực tế.

(5) Xác định giảm chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 so với Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao (- 176.29 tấn) và tăng so với Nghị quyết 21/NQ-HĐND (+ 177.55 tấn). Vì, đề xuất điều chỉnh giảm diện tích trồng lúa theo giải trình tại mục (1) Ghi chú và cập nhật lại năng suất theo số liệu được UBND tỉnh xác định tại quyết định số 80/QĐ-UBND.

(6) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao và cập nhật lại năng suất theo số liệu được UBND tỉnh xác định tại quyết định số 80/QĐ-UBND.

(7) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao và cập nhật lại năng suất theo số liệu được UBND tỉnh xác định tại quyết định số 80/QĐ-UBND.

(8) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao và số liệu thực tế tại địa bàn.

(9) Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao chỉ tiêu này là 3,150 con; theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND xã là 1,414 con, Tuy nhiên, qua rà soát kết quả thực tế đến tháng 9 năm 2025, tổng số bò trên địa bàn là: 2,445 con (thấp hơn UBND tỉnh giao là: 705 con; cao hơn Nghị quyết 21/NQ-HĐND là 1,031 con). Ủy ban nhân dân xã đề xuất xác định kế hoạch năm 2025 đối với chỉ tiêu này là 2,445 con.

(10) Đề xuất bổ sung chỉ tiêu “Tỷ trọng bò lai” để thống nhất và phù hợp với cách tính chỉ tiêu của UBND tỉnh.

(11) Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao chỉ tiêu này là 300 con; theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND xã là 2,797 con, Tuy nhiên, qua rà soát kết quả thực tế đến tháng 9 năm 2025, tổng số heo trên địa bàn là: 905 con (thấp hơn Nghị quyết số 21/NQ-HĐND giao là: 1,892 con). Dự báo tình hình thực tế trong 03 tháng cuối năm 2025, số lượng heo này có khả năng giảm vì ảnh hưởng dịch tả lợn châu phi vừa qua, khả năng tái đàn của người dân không cao. Ủy ban nhân dân xã đề xuất lấy kế hoạch năm 2025 chỉ tiêu này là 800 con.

(12) Xác định chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao.

(13) Đề xuất gộp 3 chỉ tiêu: “Nuôi cá bằng lồng”, “Nuôi cá ao”, “Bể nuôi cá trên cạn” thành “Diện tích nuôi trồng thủy sản” đơn vị tính là ha. Và quy đổi số lượng lồng, bể sang diện tích để thống nhất và phù hợp với cách tính chỉ tiêu của tỉnh.

(14) Xác định giảm chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao.

(15) Xác định chỉ tiêu “Số hộ gia đình” kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh giao; Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Ia Toi, lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-

2030 xác định đến năm 2030 trên địa bàn không còn hộ nghèo. Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND xã xác định Kế hoạch năm 2025 trên địa bàn còn 59 hộ nghèo, giảm 21 hộ so với năm 2024 (tương ứng giảm 26.25 %/năm) đảm bảo lộ trình hoàn thành Nghị quyết đảng bộ. Mặt khác, trên địa bàn xã đang thực hiện Đề án bố trí sắp xếp dân cư dẫn đến số hộ nghèo phát sinh; vì vậy việc thực hiện theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao tại Quyết định số 80/QĐ-UBND khó có thể thực hiện. Ủy ban nhân dân xã đề xuất giữ nguyên kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND đã xác định, cụ thể là: 59 hộ nghèo (tăng 43 hộ so với chỉ tiêu tỉnh giao).

(16) Đề xuất điều chỉnh giảm so với Quyết định số 80/QĐ-UBND tỉnh và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND xã: Qua rà soát (tháng 9) đầu năm học 2025-2026 tổng số học sinh tại các trường trên địa bàn là 2079 học sinh (giảm so với QĐ số 80/QĐ-UBND và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND xã là 242 học sinh). Số liệu này không thay đổi nhiều xuyên suốt quá trình năm học.

PHỤ LỤC 02:
BẢNG THỐNG KÊ ĐIỀU CHỈNH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI KHÔNG ĐƯỢC
GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(gửi kèm Tờ trình số /TTr-UBND ngày /10/2025 của Ủy ban nhân dân xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu			Giải trình
			Kế hoạch số 2025	Thực hiện đến tháng 06 năm 2025	Ước thực hiện cuối năm 2025	Kế hoạch số 2025	Thực hiện đến tháng 06 năm 2025	Ước thực hiện cuối năm 2025	
I	CHỈ TIÊU VĂN HÓA – XÃ HỘI								
1	Dân số								
a	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.4	1.5	1.4	0.8	0.7	0.8	Điều chỉnh giảm, để có cơ sở phân đầu thực hiện chỉ tiêu
b	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	14	14	14	8	7	8	Điều chỉnh giảm, để có cơ sở phân đầu thực hiện chỉ tiêu
II	CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG – AN NINH								
1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%	>90	>90	>90	Giữ nguyên chỉ tiêu đã giao tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND tuy nhiên bổ sung phần ghi chú, cụ thể: “Công an xã thực hiện đạt các chỉ tiêu đề xuất nếu được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Ngãi phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm và thụ lý điều tra vụ án theo thẩm quyền” vì thẩm quyền giao xử lý giải quyết thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh			
2	Tỷ lệ điều tra, khám phá án	%	≥75	≥75	≥75				
	Trong đó, án đặt biệt nghiêm trọng	%	100	100	100				